

Giá trị độc đáo, đặc sắc và tinh tế của nghề truyền thống tranh dân gian Đông Hồ

NHO THUẬN

Làng Đông Hồ trước đây gọi là làng Mái. Từ xưa, làng Đông Hồ vẫn truyền lại mấy câu ca:

*"Hồi cô lưng thắt bao xanh
Có về làng Mái với anh thì về
Làng Mái có lịch có lề
Có sông tắm mát có nghề làm tranh"*

Nằm cách thủ đô Hà Nội khoảng 40km về phía Đông Bắc, Đông Hồ - một làng nhỏ nằm ven bờ nam sông Đuống, thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - là nơi làm tranh nổi tiếng với kỹ thuật in bằng ván khắc gỗ: *Tranh dân gian Đông Hồ*.

Gần 400 năm trôi qua, dòng tranh này vẫn là sản phẩm văn hóa tinh thần, có giá trị nghệ thuật đối với nhiều thế hệ người dân Việt Nam. Tranh Đông Hồ phản ánh sinh động và chân thực các khía cạnh đa dạng của cuộc sống. Ngôn ngữ tạo hình từ đường nét, màu sắc đến cách sắp đặt bố cục, không gian... mang tính ước lệ cao. Hình đi đôi với chữ minh họa (thơ đề trên tranh) cũng đã tạo nên nét đặc sắc riêng có của dòng tranh dân gian Đông Hồ.

Làng nghề truyền thống tranh dân gian Đông Hồ sáng tạo nên những bức tranh mộc mạc, vui tươi, hồn nhiên, nội dung gần gũi với đời sống thường nhật của con người; phản ánh sâu đậm những nguyện vọng, ước mơ của người dân lao động; miêu tả những phong tục tập quán, lễ thức sinh hoạt của làng quê cổ xưa. Tranh Đông Hồ gồm nhiều thể loại, đề tài khác nhau: *tranh thơ, tranh sinh hoạt thường nhật, tranh lịch sử, tranh vẽ theo những tích truyện, tranh cảnh vật...*

Tranh Đông Hồ thường dùng nhiều bản khắc để in, mỗi bản là một màu. Màu vẽ thường lấy từ thiên nhiên: màu trắng từ vỏ con điệp ngoài biển, màu đỏ son lấy từ sỏi son trên đồi núi, màu vàng lấy từ hoa hòe, màu đen từ tro lá tre... Giấy in là giấy dó, được làm từ vỏ cây dó trên rừng.



Dưới đây là những quy trình làm tranh Đông Hồ với các công đoạn: *ra mẫu* (sáng tạo mẫu tranh), *khắc ván* (cắt ván), *chuẩn bị nguyên vật liệu và in tranh*.

Ra mẫu

Ra mẫu là công việc của nghệ nhân sáng tác. Từ xưa đến nay, thời nào cũng vậy, trong làng chỉ có một vài nghệ nhân ra mẫu. Nghề làm tranh là nghề của cả làng, ông thợ cày, bà thợ cấy, các em thiếu nhi, các cụ già - đều biết làm tranh nhưng là làm những việc như in, quét điệp, hay nhặt nhanh phơi phóng, chứ không thể sáng tác. Một điều cần nhấn mạnh tuy là cùng được gọi "nghệ nhân" nhưng nghệ nhân sáng tác khác xa nghệ nhân khắc ván (cắt ván) và lại càng xa hơn nghệ nhân chỉ biết in tranh (cũng có những nghệ nhân làm được tất cả các việc). Các nghệ nhân sáng tác thường là những nhà nho học rộng, am hiểu văn hóa, lịch sử, xã hội, có tài quan sát, khiếu thẩm mỹ... Chính vì thế, tranh Đông Hồ có nội dung rất phong phú, không chỉ thể hiện cảnh sinh hoạt ở nông thôn hiện tại mà còn có nhiều tranh về lịch sử, về tôn giáo, mang tính triết lý sâu sắc. Trên tranh thường có chữ Hán, chữ Nôm, sau này có cả chữ quốc ngữ. Giống với các loại hình văn hóa dân gian khác, tranh Đông Hồ chủ yếu do các nghệ nhân không được đào tạo qua

► trường lớp sáng tạo nên. Lúc đầu, mỗi bức tranh chỉ do một nghệ nhân vẽ mẫu, sau khi vẽ, nghệ nhân có thể treo tranh lên vách để mọi người cùng xem, góp ý... và cho dù nghệ nhân có sửa tranh theo sự góp ý nào thì cũng không thể coi bức tranh đó là sáng tác tập thể được. Thực tế, tác giả đã nghiên ngẫm rất kỹ, nếu có thay đổi chút ít thì thường cũng từ ý kiến của một ông bạn nhà nho tâm đắc, hiểu biết rất rõ về dòng tranh này. Thế nhưng, thời xưa ở ta chưa có khái niệm bản quyền, những tranh mới mà bán chạy, lập tức nhà khác “xin” mẫu ngay. Khi khắc ván, nghệ nhân điều khắc có thể thay đổi chút ít so với nguyên mẫu. Hoặc thời gian trôi qua, các thể hệ sau lại thêm, bớt chữ hay thay chữ nhỏ bằng chữ quốc ngữ (hoặc ngược lại)... Vì những lẽ đó, ta thường bắt gặp cùng một tranh có nhiều dị bản.

Có một điều đặc biệt là vào thời kì chưa xa lắm, trong số các nghệ nhân sáng tác nổi tiếng, còn được lưu danh đến ngày nay, không có ai là nông dân theo đúng nghĩa của từ này. Họ ở nông thôn nhưng không biết cày cấy, lúc nhỏ tuổi thì đi học, học qua tuổi thanh niên, không đi thi, hay thi không đỗ về nhà dạy học, vẽ tranh, sau làm thêm hàng mã. Đó là các nghệ nhân: Nguyễn Thế Thúc (1882- 1943), Vương Chí Long (1887 - 1944, còn gọi là cụ đồ Long), Nguyễn Thế Lãm (1910 - 1978), Phùng Đình Năng (1912 - 1993), Vương Chí Lương (1916 - 1946), Nguyễn Hữu Sam (1932 - 2017), Trần Nhật Tấn (1937 - 2009)...

Xưa các cụ sáng tác tranh thường có đôi - như đôi câu đối. Có bốn kiểu đôi tranh. Kiểu thứ nhất: Hai tranh hoàn toàn đối xứng nhau (đối xứng trục), chẳng hạn hai con lợn châu đầu vào nhau. Kiểu thứ hai: Hai tranh cũng đối xứng trục nhưng trên mỗi tranh có chữ khác nhau. Chẳng hạn tranh “Tiến tài” - có đôi của nó là “Tiến lộc” (hai vị thần đối xứng nhau nhưng chữ trên mỗi tranh khác nhau). Kiểu thứ ba: Sự đối xứng không còn thực hiện nghiêm ngặt nữa, đối ý là chính. Chẳng hạn, em bé ôm gà và em bé ôm vịt (phú quý, vinh hoa), hay em bé cầm quả đào và em bé cầm quả phật thủ. Kiểu thứ tư: Chỉ đối ý, loại này nhiều tranh nhất như *Hứng dừa - đánh ghen*, *Du đôi - bắt trạch*, *Trưng Vương khởi nghĩa - Triệu Âu xuất quân*, *Trai tú khoái - gái bầy nghề v.v...* Đôi khi, hai tranh đối xứng được vẽ thành một - như “Phúc lộc song toàn” hay “Lý ngư vọng nguyệt”.

Lúc ra mẫu, đầu tiên các nghệ nhân vẽ phác lên giấy dày, sửa chữa đến khi ưng ý

thì can lên một tờ giấy dó loại rất mỏng. Có một số tranh tác giả lật mặt sau lên, tô lại, được một đôi tranh đối xứng nhau. Nếu thi hứng dâng trào thì tác giả lại viết thêm chữ hoặc câu đối lên tranh. Nghệ nhân vẽ mẫu thường cũng hay vẽ tranh chơi (vẽ trực tiếp, không phải in). Tranh mẫu để cất ván khác tranh vẽ chơi ở chỗ: đường nét đơn giản, rõ ràng, không quá nhiều chi tiết gây rối và khó cất ván, tranh in ra không đẹp.

Khắc ván (người Đông Hồ quen gọi là “cất ván”)

Số nghệ nhân khắc ván không nhiều lắm nhưng đông hơn số nghệ nhân sáng tác. Trước hết, họ làm một tấm gỗ thật phẳng. Gỗ thị, gỗ mục thường làm ván nét (nét đánh, bền lâu), gỗ vàng tâm làm ván màu (mảng to hơn, không cần phải “đánh” lắm, mà gỗ vàng tâm mềm hơn, dễ khắc). Sau đó quét hồ lên, dán úp tờ mẫu vào, quét lại một lượt bằng “thét” (một loại chổi thông) không có hồ, toàn bộ mẫu tranh đã hiện lên mặt sau tờ tranh. Khắc xong, khi in ra tranh sẽ giống như tờ mẫu (nếu dán giữa tờ mẫu vào rồi khắc, tranh in ra sẽ ngược với mẫu, chữ không đọc được). Nghệ nhân cất ván có bộ đồ nghề như của thợ mộc nhưng nhỏ hơn, sắc bén hơn. Họ đục nét trước rồi “dẩy” mảng sau, cứ như vậy cho đến khi hoàn thành bản đầu tiên gọi là ván nét. Nét khắc trên ván này thường to đậm, sâu và đứng thành.

Tiếp đến là việc phân màu. Công đoạn này nghệ nhân khắc ván sẽ kết hợp với nghệ nhân ra mẫu cùng làm. Họ in ra một bản nét, dùng bút lông tô màu từng mảng - hường mỗi tờ tranh có từ ba đến bốn màu và đường viền màu đen, sau đó lấy tờ giấy dó mỏng đặt lên trên, tô lại mỗi mảng màu đó một bản, rồi lại làm như với ván nét - được các ván màu. Để các ván này in ra khớp với nhau, người ta để lại ở mỗi ván hai chấm ở bên trái, sát mép gỗ - gọi là “cữ”.

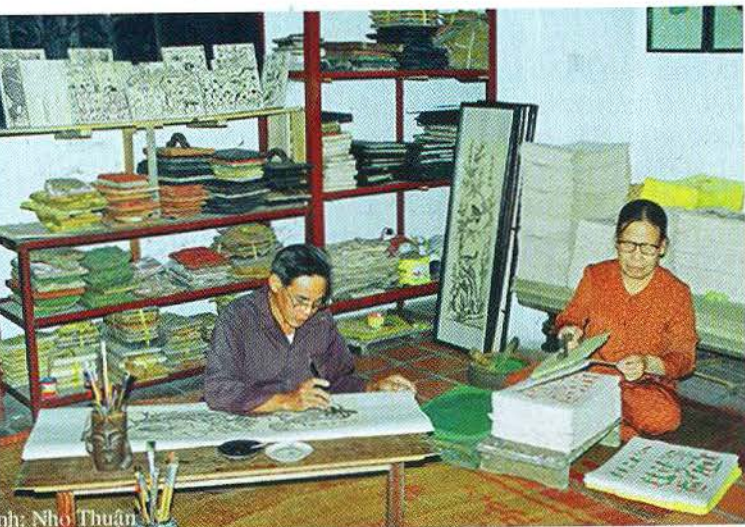
Đến thời kỳ tranh bộ, mỗi bộ có bốn tờ dài, mỗi tờ có khi phải làm ba, bốn ván in. Như vậy, mỗi bộ tranh có thể có tới 16 ván in. Còn có một loại gọi là tranh chủ (vẽ các đồ thờ cúng - dùng để dán lên bàn thờ), gồm một tờ to, kích thước khoảng 80 x 120 cm và bốn tờ nhỏ 20 x 120 cm. Bộ ván in tranh này có thể tới 24 tấm ván in.

Đầu thế kỷ XX có các nghệ nhân cất ván giỏi còn lưu danh như: Nguyễn Đăng Tuy, Nguyễn Đăng Mưu, Nguyễn Thế Bân, Hà Văn Tư...

Chuẩn bị nguyên vật liệu:

- Giấy dó

Đây là loại giấy được sản xuất bằng



Ảnh: Nho Thuận

Việc rọc giấy được thực hiện bằng thanh nứa hoặc dao cùn làm các mép giấy xơ ra cho thêm phần dân dã.

- *Điệp (tạo ra bột điệp)*

Ở vùng biển Quảng Ninh, có một loài nhuyễn thể, màu trắng gọi là con điệp. Người Đông Hồ mua vỏ điệp - đã vôi hóa qua thời gian, đổ từng đồng lớn ở sân, lấy bùn trát ra ngoài, ủ độ một hai năm thì lấy ra cho vào cối giã nhỏ, dần kỹ, loại bỏ những mảnh to, cứng rồi cho vào bể ngâm vài ngày, lọc một lần nữa rồi bỏ ra đập bằng chân hoặc cho vào cối lấy chày xoay - chứ không giã, gọi là "lèn điệp". Đến khi điệp quánh lại thì nắm thành từng nắm to bằng vốc tay, phơi thật khô rồi cắt đi dùng dần. Khi làm, người ta tán nhỏ ra, trộn với hồ nếp và màu, quét lên giấy dó, được một màu nền lấp lánh vẩy điệp - tạo thành tờ "giấy điệp":

*"Tranh Đông Hồ gà, lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp"*

(Thơ Hoàng Cầm)

- *Những màu thiên nhiên:*

+ Màu xanh: Vùng đồng bào dân tộc Tày, Nùng có cây Chàm vẫn để nhuộm vải, người Đông Hồ mua về, bỏ vào chum, vại ngâm từ vài tháng đến một năm, lọc bỏ cặn, được thứ dẻo quánh màu xanh lá cây già. Đó chính là cây chàm mèo hoặc chàm lá to. Đây là loài cây nhỏ lưu niên, hoa mọc so le hay mọc đối, tràng hoa màu lam đến tím. Không chỉ có công dụng nhuộm vải, Chàm còn là một cây thuốc quý dùng trong nhiều bài thuốc Đông y. Khi cây Chàm đã lên xanh tốt, lá được hái, bỏ vào thùng nước, ngâm cho đến khi mục rữa. Sau đó, xương lá Chàm được vớt ra, nước trong thùng được khuấy lên đến khi sủi bọt màu xanh rồi chờ tinh bột lắng xuống thì gạn ra đem phơi khô và cắt thành miếng cho tiện dùng. Khi nhuộm chàm, thợ nhuộm lấy tinh bột chàm (đã phơi khô) hòa với nước. Tạt chất này tạo ra một loại vi khuẩn tựa như dấm thanh, để tinh bột chàm "cắn" vào vải làm nên màu bền lâu phai. Chính vì vậy mà các nghệ nhân làng tranh dân gian Đông Hồ đã dụng công tìm mua dùng làm màu in tranh, để tạo ra những bức tranh màu sắc tươi tắn, dân dã và bền đẹp.

+ Màu đỏ đất: được lấy từ đất đỏ (dạng đá ong non) ở vùng trung du Gia Lương, Quế Võ - Bắc Ninh. Loại này phải ngâm kỹ hơn, có khi tới vài năm, đến khi màu đỏ ngả nâu mới mang ra dùng được.

+ Màu đỏ vang: Gỗ vang được chẻ nhỏ, đun kỹ, gạn lấy nước đặc, được màu đỏ tươi hơn đỏ đất. Tô mộc, còn có các tên gọi khác là vang, tô phượng, vang nhuộm, co vang, mạy vang, là một loài thực vật thân gỗ nhỏ, cao

► phương pháp thủ công từ cây dó. Tìm hiểu các cơ sở sản xuất giấy dó ở Việt Nam, có thể thấy, về cơ bản, giấy dó được sản xuất thủ công, không có tác động hóa chất trong giấy. Vỏ cây dó được nấu và ngâm trong nước vôi với thời gian ba tháng, bóc bỏ lớp vỏ đen đi, giã bằng cối và chày rồi dùng chày nhay từ cây "mò" tạo hỗn hợp kết dính. Hỗn hợp này gọi là "huyền phù" mà người thợ sẽ pha với nước độ lỏng hay đặc tùy theo loại giấy. Khi seo giấy, người thợ dùng "liềm seo" (khuôn có mảnh trúc, nứa hay dây đồng ken dày) chao đi chao lại trong bể bột dó. Lớp bột dó trên liềm chính là tờ giấy dó sau khi kết thúc công đoạn ép, phơi, sấy, nén hay cán phẳng. Xơ dó kết lại với nhau, như cái mạng nhện nhiều lớp, tạo nên tờ giấy dó. Sự kết mạng như vậy đã làm cho tờ giấy xốp, nhẹ. Sau cùng là phơi hoặc sấy. Các công cụ sản xuất hầu như bằng tre, gỗ và dùng ánh sáng tự nhiên để làm khô giấy. Giấy dó được sản xuất theo quy trình này không có độ axit dẫn đến tuổi thọ cao. Một số tài liệu cho rằng, giấy dó có tuổi thọ tới 500 năm!

Giấy dó có nhiều loại từ rất mỏng đến rất dày, gọi là bóc một, bóc đôi, bóc ba... Làng Đông Hồ không làm giấy này mà mua ở làng Đông Cao - huyện Yên Phong cùng tỉnh hoặc làng Hồ Khẩu - ven Hồ Tây, Hà Nội. Giấy để in tranh thường người ta chọn loại bóc ba hoặc bóc tư - không dày quá, cũng không mỏng quá. Thời xưa giấy dó thường có khổ khoảng 25 x 70 cm, các nghệ nhân Đông Hồ chia tranh thành ba loại theo khổ giấy:

- Tranh phá đôi: Tờ giấy dó pha đôi, kích thước khoảng 25 x 35 cm.

- Tranh phá ba: Tờ giấy dó pha ba, kích thước khoảng 25 x 23 cm - còn gọi là tranh vuông.

- Tranh phá tư: Tờ giấy dó pha tư, kích thước khoảng 25 x 17 cm - còn gọi là tranh lá mít.

► khoảng 5-10 mét, cho gỗ rất rắn, có màu đỏ nâu ở phần lõi và trắng ở phần ngoài, được tìm thấy nhiều ở khu vực Đông Nam Á. Gỗ tồ mộc đã từng là một trong các mặt hàng chủ yếu trong buôn bán giữa người Nhật Bản và người khu vực Đông Nam Á (đặc biệt là Thái Lan) trong thế kỷ XVII trên các “chuẩn thuyền”. Nó cũng là nguồn có giá trị để sản xuất một loại thuốc nhuộm có màu đỏ, được dùng nhuộm các sản phẩm từ sợi bông. Tại Việt Nam, gỗ tồ mộc còn là một trong những thành phần dùng để nấu nước rửa hài cốt khi cải táng. Phần lõi gỗ rắn, gần như không bị nứt nẻ và được sử dụng để chạm khắc đồ mỹ nghệ.

Thân cây vang cong queo như con cò quăm, người làng Đông Hồ vẫn truyền nhau câu ca về việc nấu gỗ vang:

“Cò quăm mà ở trên rừng

Đem về nấu nướng từng bình suốt đêm

Hết nước thì lại đổ thêm

Một trăm gánh nước không mềm cò quăm”

+Màu vàng: Được chế từ hoa hòe. Đó là một loại hoa nhỏ li ti như hạt gạo, đông y vẫn dùng làm nước giải nhiệt. Hoa hòe được cho vào chảo rang đến màu vàng nâu thì cho vào nồi nước đun thật kỹ, ta có màu vàng tươi. Sau này, người ta còn dùng thêm củ nghệ và hoa giành giành làm màu vàng.

+ Màu đen: Làm từ tro than lá tre hoặc rơm nếp. Mưa lá tre rụng, các cụ già, trẻ em quét vườn quanh năm, đổ ở sân đồng lá tre to như đồng rơm. Người ta đốt lá tre và cũng có khi đốt rơm nếp - đủ độ thành than (nếu quá một tí sẽ thành tro không có màu), được đến đâu vẩy nước đến đấy, rồi cho vào chum nước ngâm đến tận tháng bảy năm sau mới dùng được.

Từ các màu kể trên pha với điệp và pha lẫn nhau (theo tỉ lệ hoàn toàn do kinh nghiệm của nghệ nhân) được một bảng màu đa dạng mà mộc mạc, dân dã được gọi là *Thuốc cái*.

Theo nghệ nhân Trần Nhật Tấn, từ 5 màu cơ bản trên (Màu cái /Thuốc cái) các nghệ nhân sẽ pha trộn thành một số màu khác, được tạo ra như sau:

- Màu đỏ vang pha thêm phèn chua tạo ra đỏ tía, nếu thêm hòe thì thành màu da cam, thêm điệp thì thành màu cánh sen nhạt (không thắm như phẩm cánh sen) còn thêm chàm thì tạo ra màu nhiều tím.

- Màu xanh chàm thêm nhựa thông tạo ra màu cẩm thạch, thêm vàng hòe tạo ra màu hoa lý.

- Màu da người được pha từ Hoàng đàn (một vị thuốc bắc) và điệp.

Lý thuyết như vậy, nhưng trên thực tế thì

không phải ai cũng áp dụng được, màu đẹp hay không còn do “bàn tay vàng” của người nghệ nhân.

Tất cả các màu khi dùng làm tranh đều phải pha với hồ nếp - thứ hồ xay từ gạo nếp, ngâm vài ngày, mỗi ngày thay nước một lần, không để hồ lên men. Pha màu với hồ phải do người có kinh nghiệm làm, không có công thức nào cố định, tùy theo thời tiết mà gia giảm, vừa độ thì in sẽ bắt vắn, đặc quá hay loãng quá đều bị bong điệp, độ bền màu sắc của tờ tranh điệp không cao.

Với tranh tô màu, nghệ nhân Đông Hồ dùng phẩm với bảng màu như sau:

- Màu đỏ có: son, điều, cánh quế (sắc độ thắm dần) và cánh sen.

- Màu vàng có: vàng đất, vàng chanh.

- Màu xanh có: xanh lục, xanh lam, hồ thủy (da trời).

- Màu hoa hiên.

- Màu tím.

- Màu đen được chế từ muối cao su (người làng Đông Hồ thường gọi là “loa” là loại muối cao su có màu đen).

Ngoài ra, các nghệ nhân còn pha xanh lục với vàng được màu hoa lý. Khi vẽ tranh thờ thì dùng thêm kim nhũ và ngân nhũ.

Các dụng cụ in tranh

- Thét: Đó là một loại chổi làm bằng lá thông phơi héo vừa phải, một đầu buộc túm lại, ở giữa được nẹp bằng hai thanh tre cho đầu kia tõe ra. Thét dùng để quét điệp làm nền, phết màu khi in, nó thay cho bút bẹt và cũng có đủ các cỡ từ 5cm đến 25cm. Thét được làm ở làng Đạo Tú (cùng xã Song Hồ) là chính. Khi mua về, người ta phải luộc thét bằng nước pha muối, rồi lấy dùi đục đập phần đầu cho mềm ra - nhưng cũng không quá lướt sao cho khi quét nền còn để lại vết (vết hằn) trên giấy điệp và những vẩy điệp lấp lánh - đó là nét đặc sắc của tranh Đông Hồ.

- Bìa: Đây là một cái hộp bằng gỗ, không có nắp, kích thước khoảng 40 x 60 x 15 cm, bên trong nhồi rơm, phía trên căng tấm vải bố. Khi in tranh, người ta dùng thét phết màu lên bìa, rập vắn in vào rồi in ra giấy.

Ngoài ra, còn các dụng cụ khác như chậu sành đựng phẩm, xơ mướp để xoa vào lưng tranh khi in, sào tre, nứa để phơi tranh..

In tranh:

-Tranh Điệp

Sau khi có đầy đủ nguyên vật liệu, dụng cụ đồ nghề, ông chủ - thường là người có nhiều kinh nghiệm nhất trong nghề - bắt đầu pha màu để in tranh.

Nếu trong nhà có nhiều người làm được ►

► cùng nhau thì có thể pha vài màu cho vài người in cùng một lúc. Người in để một đồng giấy đã quét nền (giấy dó đã quét điệp tạo nền), xếp ngay ngắn trước mặt là bìa, chậu màu, thét, còn ván in thì xếp bên phải tay. Trước tiên, dùng thét quét màu lên bìa, sau đó rập ván in lên bìa vài lần (ván in đã được đóng "tay cầm" chắc chắn), đặt ván in lên giấy theo cũ, tay trái luôn xuống dưới tờ giấy lật cả giấy lẫn ván lên rồi dùng xơ mướp xoa lên phía sau tờ giấy để màu bắt đều nét, cuối cùng bóc tờ tranh ra bỏ sang bên trái, các tờ in sau để so le với tờ trước. Cứ như vậy cho đến đủ các màu, sau cùng là màu đen - tức là ván nét được in cuối cùng và do người khéo tay nhất thực hiện. Yêu cầu màu vừa đủ, đặt ván chính xác, xoa đều tay. Nếu màu khan quá hoặc xoa ẩu sẽ mất nét, nếu màu nhiều quá (các cụ nói là bị sặc màu) hoặc đặt không đúng cỡ thì tranh sẽ bị nhòe nhoẹt - cả hai trường hợp này tranh đều xấu, sẽ bị loại bỏ. Cùng một mẫu tranh do một nghệ nhân sáng tác, khi khắc ván (cắt ván) - nhiều nhà cùng khắc ván với cùng một mẫu - đã có thể tạo ra những bức tranh có chất lượng kỹ, mỹ thuật khác nhau. Khi in, mỗi nhà lại pha/ pha màu khác nhau, cộng với tay nghề khác nhau nên có thể tạo ra những bức tranh chất lượng khác nhau. Cùng bức tranh một con gà, có khi rất đẹp mà cũng có khi lem nhem, xấu xí do trình độ tay nghề khác nhau là vậy.

-Tranh tô màu

Loại này chỉ phải in một lần màu đen. Với những tranh khổ lớn, ván in to, dài (như tranh Tứ phủ chẳng hạn) thì không đập ván lên bìa như trên (màu không thể bắt đều vào ván - tranh sẽ mất nét) mà phải dùng thét quét mực lên ván in, rồi cũng làm như với tranh nhỏ. Khi tranh khô và đã nén phẳng sẽ được chia cho cả nhà tô màu, trẻ con hoặc các cụ bà thì tô màu vàng (có lẫn sang mảng khác còn sửa được), những người khác tô các màu còn lại. Các kỹ thuật: vờn, điểm mắt (tô màu xong, vẽ lại mắt cho đẹp) rất tỉ mỉ. Vẽ kim nhũ, ngân nhũ (với tranh thờ), phải do người có tay nghề giỏi nhất thực hiện. Tranh bộ và tranh thờ được dán thêm hai que bằng tre, hoặc nứa vào đầu trên, đầu dưới gọi là trục (mỡ) - để có được một tờ tranh phẳng và cứng cáp hơn.

Tranh tô màu tận dụng nguồn lao động của cả gia đình. Màu sắc in tranh được quy định nghiêm ngặt, trẻ em khi làm thường sợ ý nên vị trí in màu bị thay đổi, nhà nào không có người chủ giỏi lại không theo dõi sát sao thì tranh không thể đẹp được.

Mang trong mình những nét tinh túy riêng với những giá trị văn hóa độc đáo và

to lớn, tranh Đông Hồ không minh họa về những sinh hoạt của ngày Tết xưa, mà thông qua nội dung của các bức tranh này người Đông Hồ gửi gắm, lời chúc phúc cho những gì tốt đẹp nhất, công việc làm ăn phát tài, phát lộc, bằng những hình ảnh biểu tượng dân dã, gần gũi nhưng lại chứa đựng những thông điệp ẩn ngữ đầy tính nhân văn. Nhiều bức tranh rất nổi tiếng như: *Chăn trâu thổi sáo, Hứng dừa, Đấu vật, Đánh ghen, Vinh hoa, Phú Quý, Lợn đàn, Gà đàn...* Cái hấp dẫn của tranh dân gian Đông Hồ là không chỉ thể hiện mong ước một cuộc sống: Thóc lúa đầy bồ, gà đầy sân, ước mong vinh hoa phú quý mà còn đề cập đến cuộc sống lứa đôi, vợ chồng với cái nhìn hóm hỉnh mà sâu sắc. Tranh dân gian Đông Hồ càng xem càng cảm nhận được ý nghĩa văn hóa sâu sắc, chứa đựng những ẩn ý về mọi sự đúng sai, phải trái ở đời, mang đậm một cái nhìn lạc quan, triu mến và tha thiết đối với cuộc sống. Treo tranh trong ngày Tết đã trở thành một thú vui tao nhã của người nông dân Việt Nam xưa. Cứ mỗi dịp Tết Nguyên đán, các gia đình dù giàu hay nghèo, ngoài bánh chưng, thịt mỡ dưa hành cũng không thể thiếu câu đối đỏ cùng những bức tranh Tết. Những bức tranh dân gian màu sắc tươi tắn được dán lên tường nhà cho không khí thêm phần rộn rã, ấm cúng. Trong các loại tranh chơi Tết của vùng châu thổ Bắc Bộ, bên cạnh những dòng tranh như Kim Hoàng ở Hà Tây, Hàng Trống ở Hà Nội, tranh dân gian Đông Hồ cũng là một "thương hiệu".

Với những giá trị nghệ thuật độc đáo này, ngày 27/12/2012, nghề làm tranh dân gian Đông Hồ đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cần được bảo vệ. UBND tỉnh Bắc Ninh đã có Quyết định 335/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 về việc Phê duyệt đề cương chi tiết xây dựng Hồ sơ ứng cử quốc gia đề nghị UNESCO đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp "Nghề tranh dân gian Đông Hồ"; Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc phê duyệt bổ sung nhiệm vụ xây dựng Hồ sơ ứng cử quốc gia đề nghị UNESCO đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp "Nghề tranh dân gian Đông Hồ". Ở phương diện khác, UBND tỉnh Bắc Ninh cũng đã phê duyệt và đã cho triển khai Dự án xây dựng trung tâm bảo tồn và giới thiệu tranh dân gian Đông Hồ, tại khu vực di tích Đình tranh Đông Hồ - xã Song Hồ với mục đích vừa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân gian độc đáo, đặc sắc của dòng tranh Đông Hồ, vừa là địa chỉ du lịch làng nghề truyền thống riêng có của vùng quê Bắc Ninh - Kinh Bắc. ■